Tôi xin giới thiệu một số lệnh thao tác với CSDL như get, get\_where, select, select\_max, select\_min, select\_avg, select\_sum, from, join, where

**1.Lệnh get:** Lấy bản ghi từ một bảng dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db->get();  
**Ví dụ:**  
$query = $this->db->get('mytable');  
$query = $this->db->get('mytable', 10, 20);  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, lệnh thứ nhất dùng lấy tất cả các bản ghi trong bảng mytable, nó thực thi câu query sau: Select \* From mytable. Còn lệnh thứ 2 dùng để lấy 20 bản ghi tính từ bản ghi thứ 10 của bảng mytable, nó thực thi câu query: Select \* From mytable Limit 20,10

**2.Lệnh get\_where:** Lấy bản ghi từ một bảng dữ liệu với điều kiện nào đó  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> get\_where ();  
**Ví dụ:**  
$query = $this->db->get\_where('mytable', array('id' => $id), $limit, $offset);  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, lệnh dùng để lấy ra $limit bản ghi từ bảng dữ liệu mytable tính từ bản ghi thứ $offset với điều kiện id=$id (giá trị trường id bằng với biến $id).

**3.Lệnh select:** Chọn các trường dữ liệu cần lấy  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> select ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->select('title, content, date');  
$query = $this->db->get('mytable');  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, lệnh thứ nhất dùng để chọn ra các trường title, content, date trong bảng mytable. Cả 2 dòng lệnh trên thực thi câu query sau:  SELECT title, content, date FROM mytable

**4.Lệnh select\_max:**  Chọn giá trị lớn nhất của một trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> select\_max ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->select\_max('age');  
$query = $this->db->get('members');  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, kết hợp 2 lệnh trên để tìm ra giá trị lớn nhất của trường age trong bảng dữ liệu mytable, thực thi câu query sau SELECT MAX(age) as age FROM members.

**5.Lệnh select\_min:** Chọn giá trị nhỏ nhất của một trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> select\_min ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->select\_min ('age');  
$query = $this->db->get('members');  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, kết hợp 2 lệnh trên để tìm ra giá trị nhỏ nhất của trường age trong bảng dữ liệu mytable, thực thi câu query sau SELECT MIN(age) as age FROM members.

**6.Lệnh select\_avg:**  Chọn giá trị trung bình của một trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> select\_avg ();  
**Ví dụ:**  
$this->db-> select\_avg ('age');  
$query = $this->db->get('members');  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, kết hợp 2 lệnh trên để tìm ra giá trị trung bình của trường age trong bảng dữ liệu mytable, thực thi câu query sau SELECT AVG(age) as age FROM members.

**7.Lệnh select\_sum:**  Tính tổng của một trường dữ liệu  
**Cú pháp:**  
$this->db-> select\_sum ();  
**Ví dụ:**  
$this->db-> select\_sum ('age');  
$query = $this->db->get('members');  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, kết hợp 2 lệnh trên để tìm ra tổng giá trị của trường age trong bảng dữ liệu mytable, thực thi câu query sau SELECT SUM(age) as age FROM members.

**8.Lệnh from:**  Lấy dữ liệu từ bảng nào  
**Cú pháp:**  
$this->db-> from ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->select('title, content, date');  
$this->db->from('mytable');  
$query = $this->db->get();  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, kết hợp 3 lệnh trên để lấy ra ba trường dữ liệu title, content, date  từ bảng mytable.

**9.Lệnh join:** Lấy dữ liệu từ bảng nào  
**Cú pháp:**  
$this->db-> join ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->select('\*');  
$this->db->from('blogs');  
$this->db->join('comments', 'comments.id = blogs.id',’ inner’);  
$query = $this->db->get();  
**Giải thích:**  
Ở ví dụ trên, lấy dữ liệu từ 2 bảng comments  và blogs, chúng thực thi câu query sau: SELECT \* FROM blogs INNER JOIN comments ON comments.id = blogs.id  
  
**10.Lệnh where:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> where();  
**Ví dụ 1:**  
$this->db->where('name', $name);  
Lệnh trên tương đương với WHERE name = $name  
**Ví dụ 2:**  
$this->db->where('name', $name);  
$this->db->where('title', $title);  
$this->db->where('status', $status);  
**Giải thích:**  
Ba lệnh trên tương đương với WHERE name = $name AND title = $title AND status = $status  
**Ví dụ 3:**  
$this->db->where('name !=', $name);  
$this->db->where('id <', $id);  
**Giải thích:**  
Hai lệnh trên tương đương với WHERE name != $name AND id < $id  
**Ví dụ 4:**  
$array = array('name' => $name, 'title' => $title, 'status' => $status);  
$this->db->where($array);  
**Giải thích:**  
Hai lệnh trên tương đương với WHERE name = $name AND title = $title AND status = $status

Tôi xin giới thiệu một số lệnh thao tác với CSDL như or\_where, Lệnh where\_in, or\_where\_in, where\_not\_in, or\_where\_not\_in...

**10.Lệnh or\_where:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> or\_where ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->where('name !=', $name);  
$this->db->or\_where('id >', $id);  
**Giải thích:**  
Hai lệnh trên tương đương với WHERE name != $name OR id > $id

**11.Lệnh where\_in:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu

**Cú pháp:**  
$this->db-> where\_in ();  
**Ví dụ:**  
$names = array('Frank', 'Todd', 'James');  
$this->db->where\_in('username', $names);  
**Giải thích:**  
Hai lệnh trên tương đương với WHERE username IN ('Frank', 'Todd', 'James')

**12.Lệnh or\_where\_in:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> or\_where\_in ();  
**Ví dụ:**  
$names = array('Frank', 'Todd', 'James');  
$this->db->or\_where\_in('username', $names);  
**Giải thích:**  
Hai lệnh trên tương đương với OR username IN ('Frank', 'Todd', 'James')

**13.Lệnh where\_not\_in**:  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> where\_not\_in ();  
**Ví dụ:**  
$names = array('Frank', 'Todd', 'James');  
$this->db->where\_not\_in('username', $names);  
**Giải thích:**  
Hai lệnh trên tương đương với WHERE username NOT IN ('Frank', 'Todd', 'James')

**14.Lệnh or\_where\_not\_in:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> or\_where\_not\_in ();  
**Ví dụ:**  
$names = array('Frank', 'Todd', 'James');  
$this->db->or\_where\_not\_in('username', $names);  
**Giải thích:**  
Hai lệnh trên tương đương với OR username NOT IN ('Frank', 'Todd', 'James')

**15.Lệnh like:** Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> like();  
**Ví dụ 1:**  
$this->db->like('title', 'match');  
**Giải thích:**  
Câu lệnh trên tương đương với WHERE title LIKE '%match%'  
**Ví dụ 2:**  
$this->db->like('title', 'match');  
$this->db->like('body', 'match');  
**Giải thích:**  
Các câu lệnh trên tương đương với WHERE title LIKE '%match%' AND body LIKE '%match%  
**Ví dụ 3:**  
$this->db->like('title', 'match', 'before');  
**Giải thích:**  
Câu lệnh trên tương đương WHERE title LIKE '%match'  
**Ví dụ 4:**  
$this->db->like('title', 'match', 'after');  
**Giải thích:**  
Câu lệnh trên tương đương WHERE title LIKE 'match%'  
**Ví dụ 5:**  
$this->db->like('title', 'match', ' both');  
**Giải thích:**  
Câu lệnh trên tương đương WHERE title LIKE '%match%'  
**Ví dụ 6:**  
$this->db->like('title', 'match', 'none');  
**Giải thích:**  
Câu lệnh trên tương đương WHERE title LIKE 'match'

**16.Lệnh or\_like:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
**Cú pháp:**  
$this->db-> or\_like ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->like('title', 'match');  
$this->db->or\_like('body', $match);  
**Giải thích:**  
Các câu lệnh trên tương đương với WHERE title LIKE '%match%' OR body LIKE '%match%

**17.Lệnh not\_like:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> not\_like ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->not\_like('title', 'match');  
**Giải thích:**  
Các câu lệnh trên tương đương với WHERE title NOT LIKE '%match%

**18.Lệnh or\_not\_like:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> or\_not\_like ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->like('title', 'match');  
$this->db->or\_not\_like('body', 'match');  
**Giải thích:**  
Các câu lệnh trên tương đương với WHERE title LIKE '%match% OR body NOT LIKE '%match%'  
  
**19.Lệnh group\_by:**  Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> group\_by ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->group\_by("title");  
**Giải thích:**  
Câu lệnh trên tương đương với GROUP BY title  
  
**20.Lệnh distinct:** Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> distinct ();  
**Ví dụ:**  
$this->db->distinct();  
$this->db->get('table');  
**Giải thích:**  
Các câu lệnh trên tương đương với SELECT DISTINCT \* FROM table  
  
**21.Lệnh having:** Thêm điều kiện khi thao tác với trường dữ liệu  
  
**Cú pháp:**  
$this->db-> having ();  
**Ví dụ 1:**  
$this->db->having('user\_id = 45');  
**Giải thích:**  
Câu lệnh trên tương đương với HAVING user\_id = 45  
**Ví dụ 2:**  
$this->db->having('user\_id', 45);    
Câu lệnh trên tương đương với HAVING user\_id = 45  
**Ví dụ 3:**  
$this->db->having(array('title =' => 'My Title', 'id <' => $id));  
**Giải thích:**  
Câu lệnh trên tương đương với HAVING title = 'My Title', id < $id